

Số: /KH-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số thời kỳ 2025 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030, với nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Phát triển hạ tầng số (bao gồm 04 thành phần chính: (i) Hạ tầng viễn thông và Internet; (ii) Hạ tầng dữ liệu; (iii) Hạ tầng vật lý - số; (iv) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ) phải có dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng, phổ cập, bền vững, xanh, thông minh, mở và an toàn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Nâng cao chất lượng mạng 4G, 5G, từng bước triển khai mạng 6G. Phổ cập Internet băng rộng như một tiện ích thiết yếu, đặc biệt là khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

b) Tạo môi trường phát triển thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số. Thị trường sản phẩm, dịch vụ hạ tầng số phát triển nhanh, bền vững trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

c) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng số; tăng cường chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số của tỉnh. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng lưới thông tin liên lạc, mỹ quan đô thị.

d) Cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số phối hợp trong công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp hoàn thành các mục tiêu đề ra.

2. Yêu cầu

a) Hạ tầng số phát triển theo hướng mở, ảo hóa, an toàn, tin cậy tối ưu cho việc dùng chung để có thể được cung cấp như một dịch vụ, trong đó giải pháp đột phá là hạ tầng điện toán đám mây và các nền tảng số.

b) Phát triển hạ tầng số trên nguyên tắc “hiện đại, đồng bộ, an ninh, an toàn, hiệu quả, tránh lãng phí”; phải đảm bảo tính kế thừa, đồng bộ, có bước đi và lộ trình cụ thể, góp phần tạo lập niềm tin số.

c) Hạ tầng số phải được đầu tư hiện đại, đi trước một bước để làm tiền đề cho các nhiệm vụ chuyển đổi số của địa phương.

d) Tuân thủ các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan trong việc phát triển hạ tầng, cung cấp dịch vụ viễn thông cho chuyển đổi số.

đ) Hạ tầng số triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số trên địa bàn tỉnh phối hợp phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc ưu tiên dùng chung và chia sẻ hạ tầng đảm bảo mỹ quan đô thị.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Phát triển hạ tầng số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng đáp ứng nhu cầu phát triển về kết nối và xử lý dữ liệu lớn; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G và một số công nghệ mới.

b) Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số để phục vụ chuyển đổi số và dẫn dắt phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

c) Phát triển hạ tầng số tạo động lực phát triển cho các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế số, kinh tế nền tảng số.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

a) Hạ tầng viễn thông - Internet

- Tỷ lệ phủ sóng di động 5G cho người dân: 100%.

- Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s: 100%.

- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh: đạt tối thiểu 90%.

- Chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet tỉnh sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things.

- Số lượng tên miền .vn: Trên 110.000 tên miền.

- Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS): 40%

- Tỷ lệ ngầm mạng cáp ngoại vi viễn thông: 10%.

b) Hạ tầng dữ liệu

Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh đủ năng lực lưu trữ, tính toán khi áp dụng các công nghệ IoT, Big Data, AI,... theo mô hình đám mây lai (hybrid cloud), đủ khả năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh và sẵn sàng kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

c) Hạ tầng vật lý - số

Số lượng kết nối IoT đạt mức trung bình mỗi người dân 04 kết nối IoT.

d) Hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ

Phần đầu 70% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.

(Chi tiết các chỉ tiêu tại Phụ lục I)

III. NHIỆM VỤ

1. Phát triển hạ tầng viễn thông - Internet

a) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng cố định tốc độ cao (Gb/s, Tb/s), tăng cường phát triển thuê bao băng rộng cố định FTTH tới hộ gia đình; đảm bảo cung cấp dịch vụ truy nhập Internet băng thông rộng tốc độ cao được phổ cập tới các cơ quan, tổ chức, bệnh viện, trường học,... Ưu tiên phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng chất lượng cao trong các khu công nghệ thông tin tập trung, khu, cụm công nghiệp, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, làng thông minh, xã thương mại điện tử, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

b) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng di động chất lượng cao (4G/5G/6G) trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên phát triển tại khu công nghệ thông tin

tập trung; các khu, cụm công nghiệp; đường cao tốc, quốc lộ; đô thị; trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, làng thông minh, xã thương mại điện tử, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

c) Triển khai chuyên đổi hoàn toàn mạng Internet tỉnh sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things.

d) Mở rộng vùng cung cấp dịch vụ viễn thông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa các phương thức cáp quang, di động, vệ tinh đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

đ) Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng trở thành hạ tầng truyền dẫn căn bản thống nhất, ổn định, an toàn, thông suốt, kết nối từ cấp tỉnh đến cấp xã, kết nối các hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng phục vụ Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

e) Tạo đột phá về năng lực, mạng lưới: Triển khai các biện pháp phổ cập mạng băng thông rộng cáp quang hộ gia đình, phổ cập điện thoại di động thông minh, kết nối mọi người dân, mọi hộ gia đình. Triển khai các biện pháp dùng chung, cùng phát triển, cùng khai thác hạ tầng.

2. Phát triển hạ tầng dữ liệu

a) Quy hoạch trung tâm dữ liệu, dự phòng lẫn nhau qua kênh truyền cáp quang dùng riêng, có đường truyền Internet băng rộng tốc độ cao kết nối trực tiếp với trạm trung chuyển Internet quốc gia.

b) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng lưu trữ, dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc gia hướng đến mục tiêu đưa tỉnh trở thành địa phương có hạ tầng lưu trữ và xử lý dữ liệu thuộc nhóm đầu của khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

c) Xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây phục vụ chính quyền số. Triển khai Kho dữ liệu (Data Warehouse) tập trung, dùng chung đảm bảo cho phép thu thập, tổng hợp, chuẩn hóa, làm sạch và phân tích, xử lý dữ liệu từ các nguồn dữ liệu trong và ngoài tỉnh. Đề xuất và triển khai phương án dự phòng cho Trung tâm dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy định hiện hành. Nghiên cứu tận dụng lợi thế sẵn có của các Trung tâm dữ liệu lớn trong nước đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn, bền vững để hình thành Trung tâm dữ liệu tỉnh.

d) Nghiên cứu, ban hành các chính sách, tiêu chuẩn yêu cầu tích hợp, sử dụng hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng IoT trong việc phát triển các lĩnh

vực của kinh tế số như thương mại điện tử; chăm sóc sức khỏe từ xa; công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao.

3. Phát triển hạ tầng vật lý - số

a) Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

b) Thúc đẩy phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, nông nghiệp thông minh, du lịch thông minh... để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế.

c) Tận dụng cơ sở hạ tầng mạng di động 4G, 5G cho các giải pháp IoT, khai thác sức mạnh của điện toán đám mây và tích hợp các công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), BigData để phát triển các ngành công nghiệp.

d) Đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) đáp ứng được yêu cầu của các lĩnh vực có liên quan như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị; ứng dụng IoT vào quản lý, giải quyết các mục tiêu về phát triển và quản lý hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng đô thị); kết hợp tối đa với hạ tầng do các tổ chức, cá nhân đã đầu tư, bảo đảm triển khai hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí; ứng dụng IoT vào quản lý, giải quyết các mục tiêu về phát triển và quản lý hạ tầng.

4. Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ

a) Hạ tầng công nghệ số là các nền tảng dựa trên đám mây cung cấp các công cụ và hạ tầng công nghệ cần để xây dựng và triển khai các ứng dụng:

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số (AI, blockchain, IoT) trong các lĩnh vực dịch vụ công như định danh số, lưu trữ dữ liệu và quản trị số, hỗ trợ tính minh bạch, bình đẳng và chính xác của các dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; phát triển đô thị thông minh.

- Tăng cường nghiên cứu kỹ thuật trong các lĩnh vực chính như tính toán và lưu trữ phân tán, thuật toán mã hoá, cơ chế đồng thuận, hợp đồng thông minh, đồng thời xây dựng nền tảng cơ bản của AI, blockchain, IoT. Đối với trí tuệ nhân tạo tạo sinh nội dung (generative AI): ưu tiên nghiên cứu, xây dựng mô hình nền tảng (foundation model) mã mở, được huấn luyện bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Hỗ trợ việc sử dụng các cảm biến, mạng đáng tin cậy, phần mềm và phần

cứng cũng như các công nghệ khác để thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu. Dữ liệu trở thành yếu tố đầu vào sản xuất mới.

- Thúc đẩy việc tích hợp AI, blockchain, IoT, dữ liệu lớn (Bigdata), tính toán đám mây (Cloud Computing) tạo ra một hạ tầng công nghệ số an toàn, có thể kiểm soát và tương thích.

b) Tập trung phát triển các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số của tỉnh bao gồm:

- Các nền tảng số do cơ quan nhà nước chủ quản, doanh nghiệp Việt Nam phát triển, làm chủ công nghệ, sử dụng thống nhất trên toàn quốc, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước hoặc cung cấp dịch vụ công phục vụ xã hội bao gồm: nền tảng định danh và xác thực điện tử quốc gia; nền tảng địa chỉ số; nền tảng bản đồ số; nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu; nền tảng dạy học trực tuyến; nền tảng học kỹ năng số trực tuyến mở (MOOCS), nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa; nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ công chức, viên chức và người dân.

- Các nền tảng số phục vụ chuyển đổi số ngành của các ngành, lĩnh vực: y tế, giáo dục, tài chính, ngân hàng, công nghiệp, thương mại, nông nghiệp, giao thông vận tải, logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường.

- Thúc đẩy phát triển các nền tảng số do doanh nghiệp làm chủ quản, làm chủ công nghệ, cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu chuyển đổi số của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức.

(Chi tiết nhiệm vụ trọng tâm thực hiện tại Phụ lục II)

IV. GIẢI PHÁP

1. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách

a) Ban hành chính sách, quy định hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng số với hạ tầng kỹ thuật của các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác. Hỗ trợ các doanh nghiệp giải quyết các vướng mắc, thúc đẩy triển khai hạ tầng số tại các khu vực đất công, đất đa mục đích,...; bảo đảm cạnh tranh lành mạnh; xử lý ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về hạ tầng số.

b) Hoàn thiện các chính sách, tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng chính sách, quy định ưu tiên ứng dụng điện toán đám mây trong triển khai các hệ thống thông tin của tỉnh.

2. Thông tin, tuyên truyền, nâng cao năng lực khai thác hạ tầng số

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, Nhà nước về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Công thông tin điện tử của các cấp, các ngành, mạng xã hội để từng bước nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Tuyên truyền, khuyến khích, thúc đẩy các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân ưu tiên dùng các nền tảng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp.

c) Xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu trong quá trình phát triển hạ tầng số phục vụ Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

d) Tổ chức các hội thảo chuyên đề về phát triển triển hạ tầng số; triển lãm về các giải pháp công nghệ mới phát triển hạ tầng số của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số trên địa bàn tỉnh, tuyên dương các doanh nghiệp tiêu biểu trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt chiến lược “Make in Viet Nam”.

3. Huy động nguồn lực, bảo đảm kinh phí, nguồn nhân lực thực hiện

a) Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng số cho chuyển đổi số;

b) Khuyến khích mọi thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng, phát triển, khai thác hạ tầng số và xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng số (cột anten, cột treo cáp, công bả cáp, hào và tuynel kỹ thuật, trung tâm dữ liệu, Internet vạn vật...); đa dạng hóa các dịch vụ viễn thông. Có cơ chế hỗ trợ để thu hút đầu tư viễn thông vào các vùng sâu, vùng xa và các vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh.

c) Kêu gọi, hỗ trợ đầu tư, xây dựng, phát triển hạ tầng lưu trữ, dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc tế; có cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp ICT, thu hút các doanh nghiệp công nghệ số, phát triển Khu Công nghệ số tập trung Mekong theo hướng là một trong số các địa phương đứng đầu về công nghiệp công nghệ thông tin và có trung tâm dữ liệu lớn của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, là nơi tập trung, cung cấp dữ liệu và dịch vụ dữ liệu cho khu vực.

d) Có chính sách ưu tiên người sử dụng thiết bị do Việt Nam sản xuất và hỗ trợ, trợ giá cho các hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, người có công trên địa bàn tỉnh đảm bảo 100% người dân được tiếp cận chương trình phổ cập điện thoại thông minh (smartphone).

4. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ

a) Tập trung nguồn lực về tài chính và con người cho nghiên cứu, phát triển các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực viễn thông, Internet, dữ liệu, công nghệ số,... nhằm ứng dụng, nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số.

b) Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong việc thiết lập mạng lưới, cung cấp dịch vụ và sản xuất, lắp ráp các thiết bị đầu cuối viễn thông, đặc biệt là thiết bị di động, thiết bị thu xem truyền hình số nhằm giảm giá thành, phổ cập nhanh các dịch vụ viễn thông đến người dân với chất lượng tốt và giá cước hợp lý.

c) Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các hạ tầng công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, IoT, dữ liệu lớn.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào việc quản lý, khai thác mạng lưới, cung cấp dịch vụ để giảm chi phí, giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp đồng thời bảo đảm tính thống nhất, an toàn, an ninh thông tin.

đ) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển các ứng dụng cho công nghệ di động 5G, 6G phục vụ các ngành kinh tế.

5. Thúc đẩy sử dụng chung hạ tầng số

a) Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng số để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động/tích cực tích hợp với các hạ tầng liên ngành có tính thiết yếu như điện, nước); triển khai roaming trong nước trên các hạ tầng di động (4G/5G/6G).

b) Đẩy mạnh chia sẻ, dùng chung các nền tảng số giữa các cấp, các ngành, các lĩnh vực, bảo đảm đồng bộ và phát huy hiệu quả trong chuyển đổi số của tỉnh.

c) Thúc đẩy tích hợp các cảm biến IoT vào các cơ sở hạ tầng thiết yếu như giao thông vận tải, môi trường, năng lượng, y tế, giáo dục; trong quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng.

d) Thúc đẩy rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng

a) Triển khai áp dụng khung quản lý an toàn cơ sở hạ tầng số, bảo đảm việc áp dụng thống nhất các chính sách, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo đảm an toàn đối với hạ tầng số.

b) Chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phát hiện, xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật; từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

c) Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi cung cấp các dịch vụ trên nền tảng số cho tổ chức, cá nhân; có phương án, hệ thống dự phòng bảo đảm an toàn, an ninh cho các tình huống xấu nhất.

7. Đo lường, quản lý, giám sát

a) Triển khai các hệ thống đo lường, giám sát và quản lý nhà nước về hạ tầng số theo Bộ chỉ số Chuyển đổi số (DTI) và Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số (DII); đồng thời tích hợp công tác giám sát, đánh giá lên Hệ thống Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh nhằm bảo đảm theo dõi, đánh giá hiệu quả phát triển hạ tầng số một cách tập trung, đồng bộ.

b) Đẩy mạnh giám sát và phân tích các chỉ số chất lượng về trải nghiệm của người sử dụng; sử dụng ứng dụng i-Speed by VNNIC (i-Speed) Hệ thống đo tốc độ truy cập Internet Việt Nam (VNNIC Internet Speed) giúp người dùng kiểm tra và đánh giá khách quan các thông số như tốc độ tải xuống, tải lên và độ trễ của mạng Internet.

c) Thực hiện khảo sát, thu thập số liệu, công bố kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng số tại kế hoạch này.

8. Hợp tác trong nước và quốc tế

a) Tăng cường trao đổi hợp tác với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về phát triển hạ tầng số.

b) Đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực viễn thông. Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong các tổ chức, diễn đàn quốc tế về viễn thông. Phối hợp trao đổi kinh nghiệm về xây dựng chính sách, pháp luật viễn thông, đào tạo chuyên gia quản lý, kỹ thuật viễn thông.

c) Hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước để thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số; triển khai các sáng kiến về hạ tầng số để góp ý xây dựng các khuôn khổ pháp lý, tiêu chuẩn, nguyên tắc quốc tế mới về hạ tầng số phù hợp với mục tiêu và lợi ích của Việt Nam.

d) Tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực viễn thông, Internet, dữ liệu, công nghệ số,... phù hợp với pháp luật Việt Nam.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch bao gồm: sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách; nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn xã hội hóa; vốn lồng ghép vào các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan đến nhiệm vụ của kế hoạch và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số và các tổ chức, các nhân có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch.

b) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhóm dự án hạ tầng thông tin và truyền thông ưu tiên đầu tư theo Mục II Phụ lục Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2035.

c) Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, các nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số, hạ tầng sử dụng dịch vụ vệ tinh tầm thấp; tăng cường dùng chung hạ tầng số với hạ tầng của các ngành khác.

d) Hướng dẫn và thực hiện phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, tạo sự đồng thuận để phát triển nhanh, an toàn, bền vững hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

đ) Phối hợp các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng số; triển khai các giải pháp định hướng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số và tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng lực cạnh tranh.

e) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về triển khai hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

g) Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin quản lý hạ tầng số tích hợp với bản đồ số; thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông.

h) Là đầu mối tổng hợp, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch này. Kịp thời tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong quá trình triển khai đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Tháp.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo kinh phí để triển khai các hoạt động do các cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp thu hút các nguồn vốn đầu tư hợp pháp từ doanh nghiệp, xã hội hóa để phát triển hạ tầng số theo đúng quy định.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh phục vụ phát triển hạ tầng số theo đúng quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Sở Xây dựng

a) Chủ trì cùng các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hỗ trợ phát triển, tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong các công trình xây dựng dân dụng; hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng số, sử dụng chung hạ tầng số với hạ tầng kỹ thuật của các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

b) Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số trên địa bàn thực hiện việc xây dựng và phát triển hạ tầng số phù hợp với quy hoạch kiến trúc, đô thị của tỉnh và quy định của pháp luật về xây dựng.

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành khung giá cho thuê tài sản công cho việc lắp đặt hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Công an tỉnh

a) Chủ trì cùng các cơ quan, đơn vị liên quan đề xuất xây dựng và triển khai các biện pháp thực thi pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân; thực thi pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan trong việc chia sẻ dữ liệu của tỉnh đầu tư triển khai với Cơ sở dữ liệu Quốc gia.

c) Triển khai xây dựng Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh; phát triển nền tảng thông tin định danh cá nhân và kho dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết nối với Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh, các hệ thống thông tin của các đơn vị như điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, công chứng...

5. Sở Công Thương

a) Khuyến khích chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số trong cụm công nghiệp.

b) Chỉ đạo doanh nghiệp kinh doanh điện ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số tiếp cận, sử dụng nguồn điện để phủ sóng 5G, hạ tầng Internet vạn vật (IoT).

c) Rà soát, bổ sung các quy hoạch về điện đảm bảo có nguồn điện xanh - sạch, đảm bảo dự phòng cao để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển Trung tâm dữ liệu.

6. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

a) Hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số trên địa bàn quản lý. Ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số phủ sóng 5G, hạ tầng Internet vạn vật (IoT) tại các khu kinh tế, khu công nghiệp

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp tăng cường triển khai các cảm biến IoT phục vụ sản xuất kinh doanh.

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số tại các khu di tích, khu du lịch thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh.

b) Định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030.

8. Các sở, ban, ngành tỉnh

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật và chức năng nhiệm vụ được giao.

9. Đề nghị Chi nhánh Trung tâm Internet Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

a) Phối hợp, hỗ trợ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp trong việc tổ chức triển khai hiệu quả “Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn” tại Đồng Tháp”; “Chương trình thúc đẩy, triển khai chuyển đổi IPv6 only trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp”.

b) Hỗ trợ kỹ thuật, bao gồm việc đấu nối vào hệ thống Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX) và tư vấn triển khai các mô hình kỹ thuật phù hợp với hạ tầng tỉnh Đồng Tháp.

c) Đẩy mạnh sử dụng ứng dụng i-Speed by VNNIC (i-Speed) Hệ thống đo tốc độ truy cập Internet Việt Nam (VNNIC Internet Speed) giúp người dùng kiểm tra và đánh giá khách quan các thông số như tốc độ tải xuống, tải lên và độ trễ của mạng Internet.

10. Đề nghị Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp

Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số - phát triển hạ tầng số của tỉnh; xây dựng chuyên mục tuyên truyền, phổ biến kết quả, thành tựu trong quá trình phát triển hạ tầng số phục vụ chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

11. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Xây dựng kế hoạch phát triển của địa phương có phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số.

b) Hỗ trợ, tạo điều kiện các doanh nghiệp viễn thông triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông trên địa bàn quản lý, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Đẩy mạnh tuyên truyền vận động tổ chức, cá nhân về tầm quan trọng của công tác phát triển hạ tầng số, đặc biệt là việc xây dựng các trạm thu, phát sóng thông tin di động mặt đất (BTS).

d) Hỗ trợ phát triển hạ tầng số: Cắt giảm thủ tục hành chính, bố trí không gian, địa điểm để lắp đặt thiết bị, nhà trạm, công trình viễn thông, hỗ trợ, thúc đẩy dùng chung hạ tầng số và hạ tầng kỹ thuật khác.

đ) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác quản lý nhà nước về viễn thông. Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về xây dựng, phát triển hạ tầng số theo đúng quy định của pháp luật.

12. Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số

a) Trên cơ sở những nội dung định hướng của tỉnh nêu tại Kế hoạch này, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả phục vụ Chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

b) Tuân thủ các quy định về quản lý, xây dựng đối với các công trình hạ tầng số; chấp hành các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật; tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng số sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, các đơn vị và các doanh nghiệp liên quan đến đầu tư hạ tầng, thống nhất phương án đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng số đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

d) Tích cực tham gia, đồng hành cùng tỉnh phát triển hệ thống wifi công cộng trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng

mắc, các đơn vị kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như Mục VI;
- Công ty Điện lực Đồng Tháp;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Lưu VT, KGVX (vttoan).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Tuấn

Phụ lục I
CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Hiện trạng năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Cơ quan theo dõi, triển khai thực hiện	Cơ quan phối hợp	Ghi chú
I. HẠ TẦNG VIỄN THÔNG - INTERNET											
1	Tỷ lệ phủ sóng di động 5G cho người dân	% dân số	77	≥ 90	95	97	99	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	Theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024; Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025;
2	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	66	75	80	85	90	100	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn	Quyết định số 01-KH/BCĐ 13/8/2025

										thông và các đơn vị liên quan	
3	Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn tỉnh	%	45	65	75	80	85	≥ 90	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	Theo Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025; Quyết định số 3369/QĐ-BKHCN ngày 27/10/2025
4	Chuyển đổi hoàn toàn mạng Internet tỉnh sang IPv6, sẵn sàng cho IPv6 only, Internet of Things.	Lộ trình thực hiện	Thử nghiệm triển khai IPv6 only tại Trung tâm Chuyển đổi số	Thí điểm IPv6 only tại Sở KH&CN, 01 phường và 01 xã	Triển khai chuyển đổi IPv6 và IPv6 only trên địa bàn tỉnh			Đánh giá, tổng kết kết quả triển khai IPv6 và IPv6 only trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	Theo Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025; Quyết định số 3369/QĐ-BKHCN ngày 27/10/2025
5	Số lượng tên miền .vn	Tên miền	16.861	43.863	55.561	70.561	89.817	114.570	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã,	Theo Quyết định số 507/QĐ-BKHCN

										phường; doanh nghiệp viên thông và các đơn vị liên quan	ngày 23/01/2026
6	Tỷ lệ dùng chung vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS)	%	25	28	31	34	37	40	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viên thông và các đơn vị liên quan	Theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 ; Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024
7	Tỷ lệ ngâm mạng cáp ngoại vi viễn thông	%	5,07	6	7	8	9	10	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viên thông và các đơn vị liên quan	
II. HẠ TẦNG DỮ LIỆU											

1	Hoàn thiện Trung tâm dữ liệu tỉnh đủ năng lực lưu trữ, tính toán khi áp dụng các công nghệ IoT, Big Data, AI,... theo mô hình đám mây lai (hybrid cloud), đủ khả năng đáp ứng yêu cầu chuyên đổi số của tỉnh và sẵn sàng kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Trung tâm	Đầu tư bổ sung hạ tầng CNTT cho trung tâm tích hợp dữ liệu	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh theo mô hình điện toán đám mây dùng riêng kết nối với đám mây của Chính phủ nhằm tạo môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	Theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 ; Quyết định số 39/QĐ-TTg ngày 11/01/2024	
III. HẠ TẦNG VẬT LÝ - SỐ								
1	Số lượng kết nối IoT đạt mức trung bình mỗi người dân 04 kết nối IoT	Kết nối	1	2	3	4	Sở Khoa học và Công nghệ Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và	Theo Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025

										các đơn vị liên quan	
IV. HẠ TẦNG TIỆN ÍCH SỐ VÀ CÔNG NGHỆ SỐ NHƯ DỊCH VỤ											
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	5,45	10	30	50	60	70	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	Theo Quyết định số 912/QĐ-BKHCN ngày 18/5/2025

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I. HẠ TẦNG VIỄN THÔNG - INTERNET					
1	Triển khai Chương trình thúc đẩy, triển khai chuyển đổi IPv6 only trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	VNNIC; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	
2	Triển khai Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia ".vn" trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Khoa học và Công nghệ	VNNIC; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	
3	Mở rộng băng thông đường truyền mạng truyền số liệu chuyên dùng các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	2026 - 2027	
4	Triển khai phát triển trạm thu phát sóng thông tin di động 5G trên địa bàn tỉnh.	Các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2030	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
5	Triển khai phát triển cáp quang đến hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.	Các doanh nghiệp viễn thông	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2030	
6	Triển khai hạ tầng 5G, IoT trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.	Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường	2026 - 2030	<i>Đã ban hành Kế hoạch số 478/KH-UBND ngày 05/11/2025</i>
7	Triển khai hỗ trợ điện thoại thông minh cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo; Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn tỉnh (sử dụng kinh phí dịch vụ viễn thông công ích và xã hội hóa)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; Các doanh nghiệp viễn thông	2026 - 2030	
8	Thiết lập hệ thống wifi công cộng trên địa bàn tỉnh	UBND các xã, phường	Các doanh nghiệp viễn thông	2026 - 2030	
9	Xây dựng kế hoạch cải tạo, chỉnh trang, làm gọn mạng cáp ngoại vi viễn thông đồng bộ với các hạ tầng liên quan trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông, điện lực	2026	
10	Xây dựng Đề án tổng thể thực hiện ngầm hóa mạng cáp ngoại vi viễn thông, cáp điện lực trong đô thị, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông, điện lực	2026 - 2027	
II. Hạ tầng dữ liệu					

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
11	Xây dựng Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh Đồng Tháp	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan	2026	
12	Phát triển nền tảng thông tin định danh cá nhân và kho dữ liệu số của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kết nối với Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh, các hệ thống thông tin của các đơn vị như điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, công chứng... tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan nhà nước và các giao dịch điện tử dân sự khác.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	2026	
13	Nâng cấp LGSP tỉnh Đồng Tháp phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan	2026	
14	Mở rộng hệ thống AI phân tích dữ liệu thu được từ camera	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan	2027 - 2028	Dự án đầu tư theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày
15	Xây dựng Hệ thống thông tin ngành Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan	2027 - 2029	14/11/2025 của HĐND tỉnh Đồng Tháp về dự kiến kế hoạch đầu tư

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
					công trung hạn 2026 - 2030
III. HẠ TẦNG VẬT LÝ - SỐ					
16	Xây dựng nền tảng IoT	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan	2027 - 2028	Dự án đầu tư theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND tỉnh Đồng Tháp về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026 - 2030
17	Nâng cấp Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; các đơn vị liên quan	2027 - 2029	
IV. HẠ TẦNG TIỆN ÍCH SỐ VÀ CÔNG NGHỆ SỐ NHƯ DỊCH VỤ					
18	Triển khai chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân cho người dân trưởng thành trên địa bàn tỉnh	UBND các xã, phường	Sở Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	
V. XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH					
19	Triển khai Chương trình khuyến khích doanh nghiệp khu vực tư nhân tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
20	Xây dựng và ban hành khung giá cho thuê tài sản công cho việc lắp đặt hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; DN và các đơn vị liên quan	2026 - 2027	
VI. ĐO LƯỜNG, QUẢN LÝ, GIÁM SÁT					
21	Triển khai các hệ thống đo lường, giám sát, đánh giá, quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông, hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng.	Sở Khoa học và Công nghệ	VNNIC; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	
22	Đẩy mạnh sử dụng ứng dụng i-Speed by VNNIC (i-Speed) Hệ thống đo tốc độ truy cập Internet Việt Nam (VNNIC Internet Speed) giúp người dùng kiểm tra và đánh giá khách quan các thông số như tốc độ tải xuống, tải lên và độ trễ của mạng Internet	Sở Khoa học và Công nghệ	VNNIC; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND các xã, phường; doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan	2026 - 2030	